TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chí Tâm;

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lưu Thị N, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: tổ 5, ấp H, xã B, huyện B, tỉnh N; hiện cư trú tại: tổ 13, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

Bị đơn: anh Lê Hoài N, sinh năm 1981; cư trú tại: tổ 5, ấp H, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Hoài N tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N. Thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc do anh N thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đánh đập chị và không phụ giúp kinh tế để lo cho

con, nhưng vì các con còn nhỏ nên chị nhẫn nhịn, đến tháng 3-2021 anh N vô cớ đánh đập chị nên chị cùng các con bỏ đi thuê trọ sống ly thân với anh N cho đến nay; gia đình chồng và hàng xóm xung quanh đều biết việc vợ chồng chị mâu thuẫn với nhau. Từ khi sống ly thân đến nay, anh N cũng không có hành động gì để vợ chồng hòa giải, nay chị cũng không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N có 03 con chung tên Lê Thị Kiều A, sinh ngày 17-10-2002; Lê Thị Thư V, sinh ngày 14-01-2006; Lê Thị Như X, sinh ngày 29-8-2008. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 cháu Thư V và Như X, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Kiều A đã trên 18 tuổi, tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoài N: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ anh N N lần để cung cấp lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Nguyên đơn chị Lưu Thị N trình bày:* có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn anh Lê Hoài N:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn chị Lưu Thị N): trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị N đối với anh Lê Hoài N. Chị N được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: giao chị Lưu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lê Thị Thư V, sinh ngày 14-01-2006; Lê Thị Như X, sinh ngày 29-8-2008. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Lê Hoài N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Kiều A, sinh ngày 17-10-2002 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị N không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Lưu Thị N không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: chị Lưu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị Lưu Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị N và anh Lê Hoài N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N ngày 05-12-2001, giấy chứng nhận kết hôn số 190, quyển số 01. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị N và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh N là do anh N thường xuyên vô cớ đánh đập, bạo hành chị, không phụ giúp chị về kinh tế, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra N năm, gia đình anh N và hàng xóm đều biết. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ phù hợp với lời trình bày của chị N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án N lần triệu tập anh N để cung cấp lời khai và hòa giải với chị N nhưng anh N vắng mặt, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N. Xét thấy, chị N và anh N sống ly thân với nhau từ tháng 3-2021 cho đến nay, không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị N đối với anh Lê Hoài N.

2.2. Về nuôi con chung: chị N và anh N có 03 con chung tên Lê Thị Kiều A, sinh ngày 17-10-2002; Lê Thị Thư V, sinh ngày 14-01-2006; Lê Thị Như X, sinh ngày 29-8-2008. Quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 cháu Thư V và Như X. Xét thấy, hiện nay các cháu V, X đang sống với chị N, do chị N chăm lo cuộc sống hàng ngày và đều có nguyện vọng được sống với chị N, do đó căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao 02 cháu V, X cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Kiều A đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị N không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: chị Lưu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị N đối với anh Lê Hoài N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị N được ly hôn với anh Lê Hoài N.

1.2. Về nuôi con chung: giao chị Lưu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lê Thị Thư V, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2006; Lê Thị Như X, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2008. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Lê Hoài N cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Thị Kiều A, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân, chị N không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lưu Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lưu Thị N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004077 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: chị Lưu Thị N, anh Lê Hoài N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Thạnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy